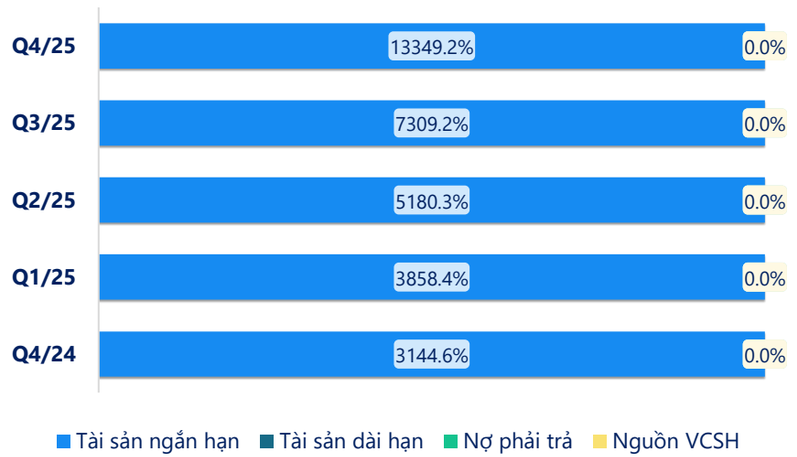
FireAnt

Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (UPCOM: BHI)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	8,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,700
SL cổ phiếu LH	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,065
% sở hữu nước ngoài	75.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
P/E	
EPS	

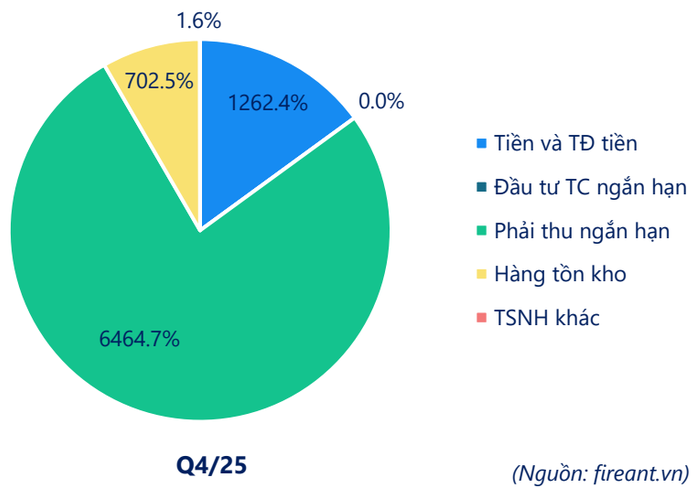
	YTD	1T	3T	6T
BHI	-24.1%	-2.2%	-17.0%	-11.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



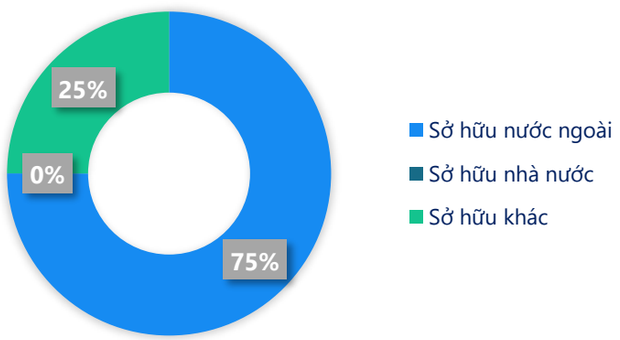
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



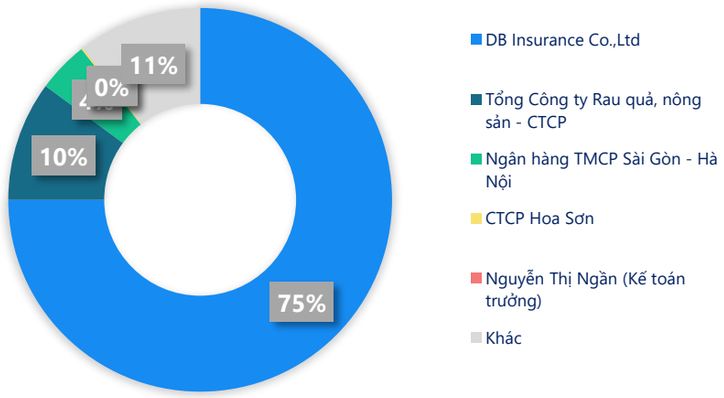
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



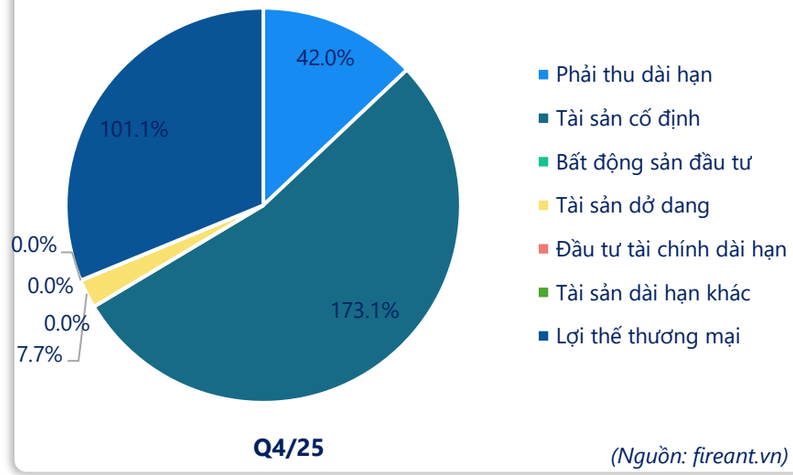
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

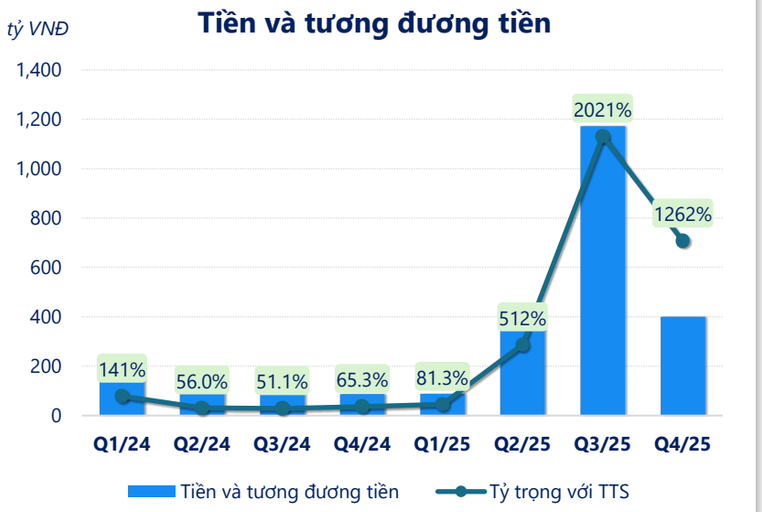


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

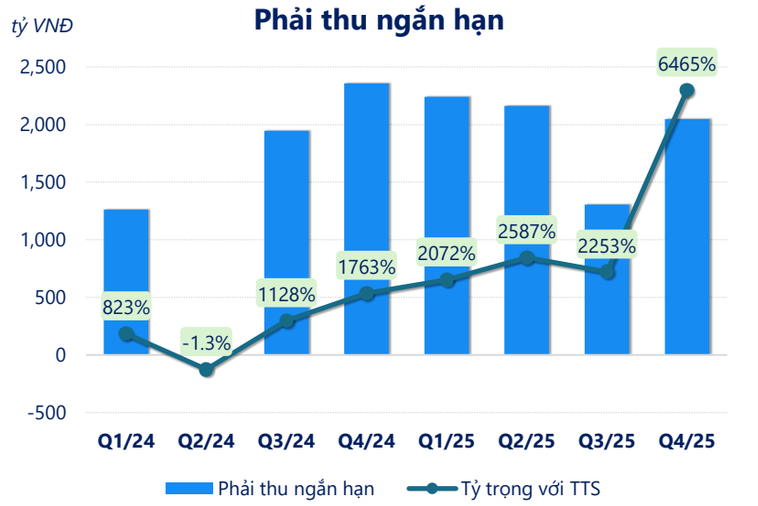
Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (UPCOM: BHI)

Tiền và tương đương tiền



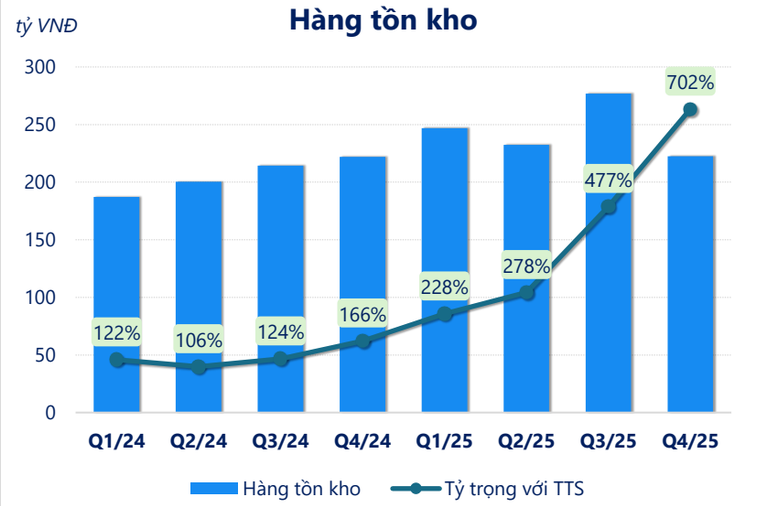
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



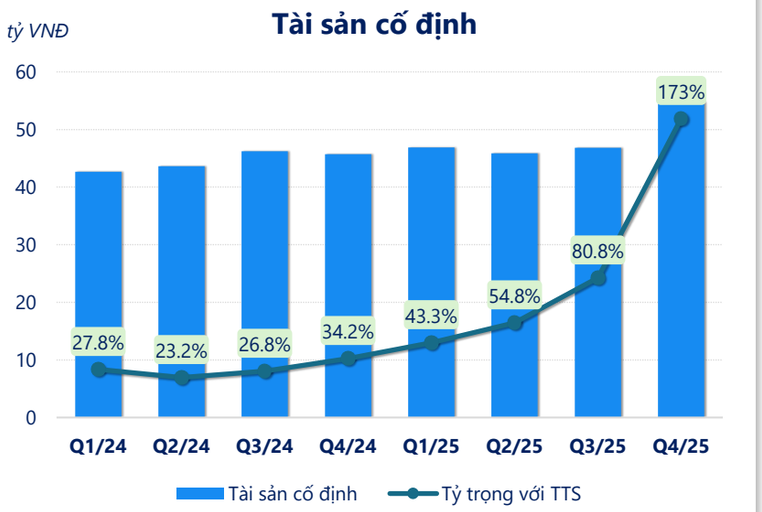
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



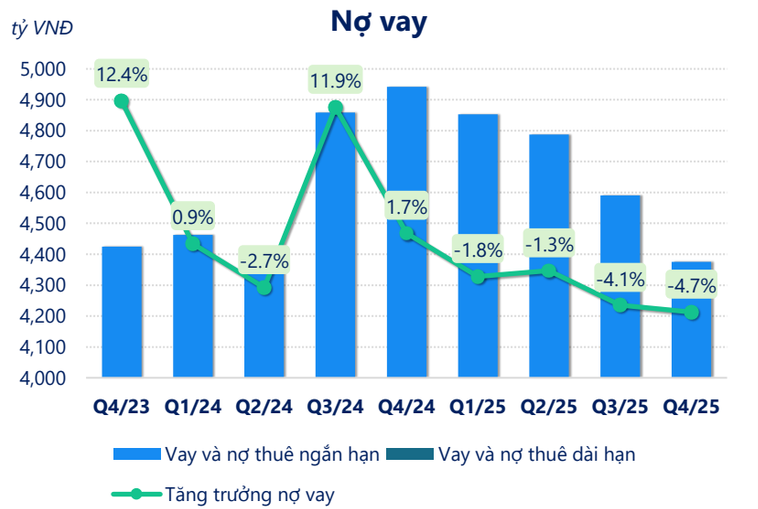
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



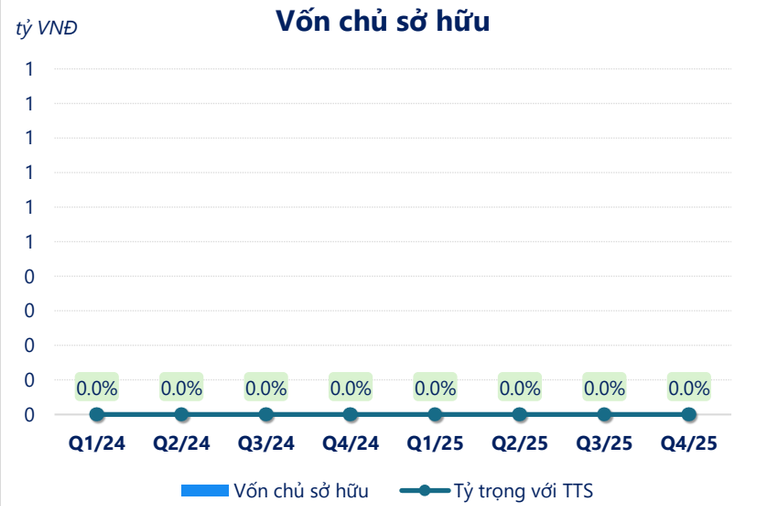
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

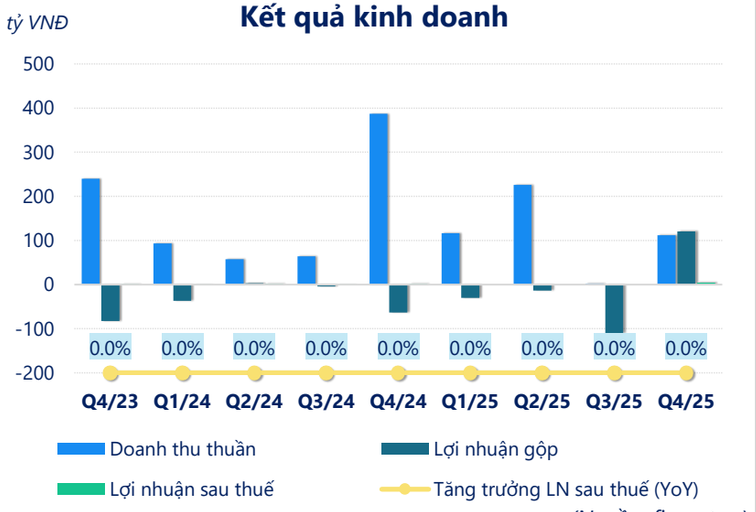
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

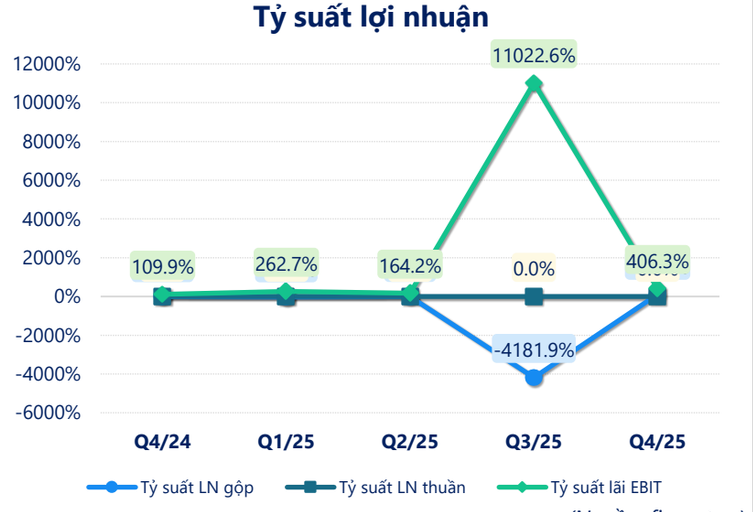
Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (UPCOM: BHI)

Kết quả kinh doanh



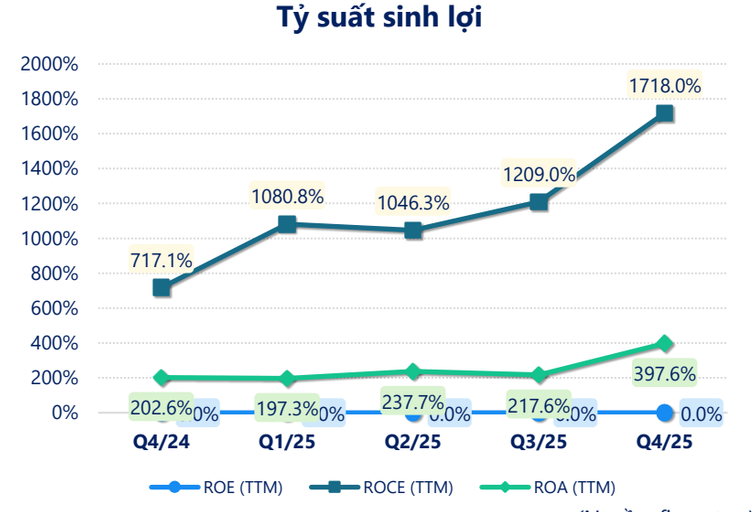
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



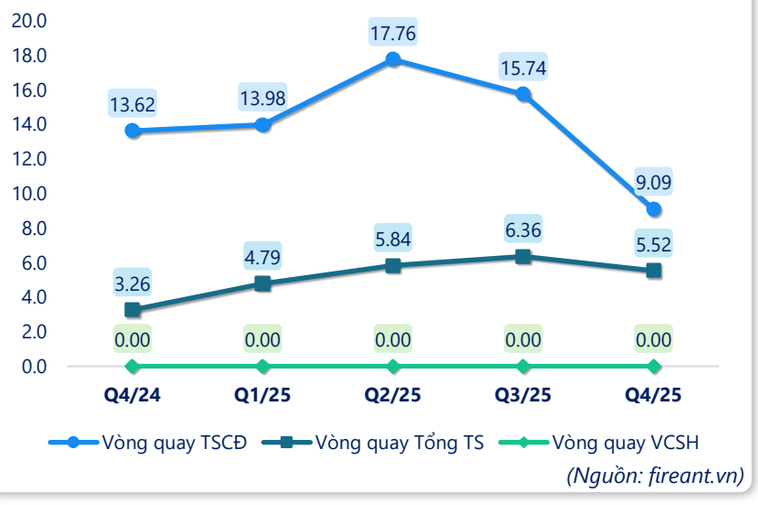
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



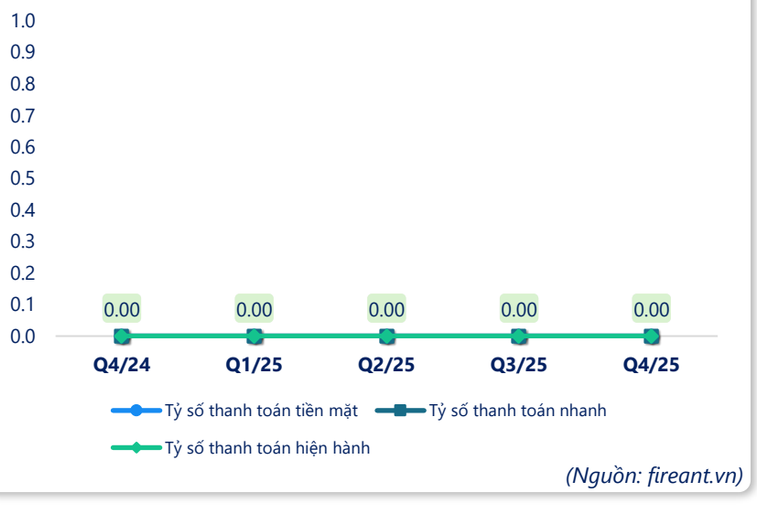
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



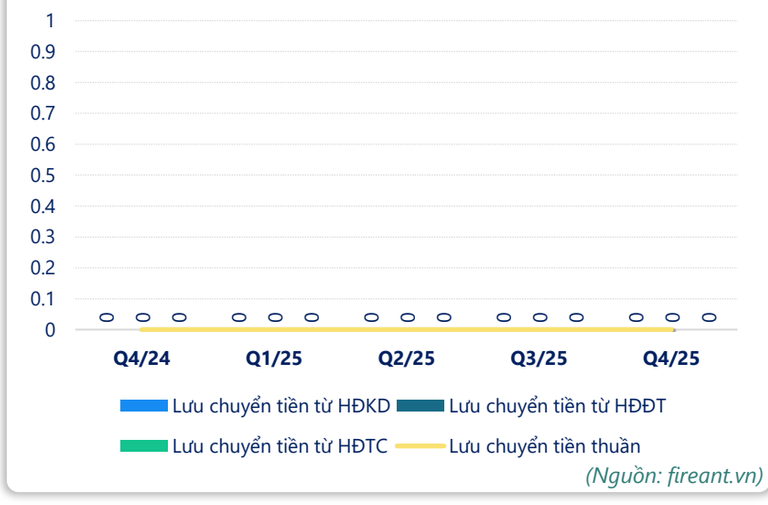
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng CTCP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (UPCOM: BHI)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**31.7**	**134**	**-76.3%**
Tài sản ngắn hạn	4,225	4,250	-0.6%
Tiền và tương đương tiền	400	87.4	357%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2,046	2,368	-13.6%
Hàng tồn kho	222	222	0.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.50	0.40	25.2%
Tài sản dài hạn	**0**	**0**	
Phải thu dài hạn	13.3	2.50	432%
Tài sản cố định	54.8	46.0	19.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.43	3.64	-33.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	32.0	135	-76.4%
Nợ phải trả	0	0	
Nợ ngắn hạn	**0**	**0**	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,375	4,977	-12.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	3,135	3,749	-16.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	1,231	1,225	0.5%
Kinh phí và quỹ khác	**4.33**	**5.79**	**-25.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	387	116	226	2.63	112
Giá vốn hàng bán	374	145	196	164	347
Lợi nhuận gộp	-63.6	-30.4	-13.5	-110	120
Doanh thu HĐTC	76.4	1.76	44.0	-51.0	-356
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	63.5	36.2	33.9	38.1	82.2
Chi phí QLDN	188	3.07	9.05	6.49	127
LN thuần từ HĐKD	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	845	692	698	623	518
LN trước thuế	425	306	371	290	453
Lợi nhuận sau thuế	2.01	0	0	0	4.51
LNST của CĐ cty mẹ	374	258	323	251	329

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	88.1	87.4	88.0	428	1,172
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	87.3	88.0	428	1,172	400

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic